

BỘ Y TẾ
VIỆN DINH DƯỠNG

Số: 264/TMBG-VDD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Về việc cung cấp báo giá hóa chất, chất chuẩn, vật tư tiêu hao.

Kính gửi: Quý công ty, đơn vị cung cấp hóa chất, dụng cụ, vật tư tiêu hao

Viện Dinh dưỡng xin thông báo đến Quý Công ty có đủ điều kiện và năng lực tham gia báo giá hóa chất, dụng cụ, vật tư tiêu hao cho Khoa Hóa Thực phẩm, Khoa Hoá sinh và Chuyển hoá dinh dưỡng và Khoa Dinh dưỡng và Bệnh không lây nhiễm.

Danh mục báo giá: Chi tiết theo mẫu đính kèm.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí lệ phí, chi phí vận chuyển và các khoản phí khác có liên quan (nếu có); bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Báo giá bằng giá tiền đồng Việt Nam.

Mục đích báo giá: Làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí gói thầu.

Hình thức báo giá: 01 bản cứng và 01 bản mềm quét PDF (Đã đóng dấu và gửi qua email).

Thông tin xin gửi về: Phòng Vật tư - Quản trị; Phòng Văn thư, Viện Dinh dưỡng.

Địa chỉ: Số 48B Tầng Bạt Hồ, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.9717090

Email: thauvtqt.nin@gmail.com

Thời gian gửi báo giá: Trước 16 giờ 00 phút. Ngày 8 tháng 9 năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Đăng: Website Viện;
- Lưu VT, VTQT, TCKT.



PHỤ LỤC
DANH MỤC HOÁ CHẤT, DỤNG CỤ, VẬT TƯ TIÊU HAO YÊU CẦU BẢO GIÁ
(Kèm theo Thư mời báo giá số 21.4/TMBG-VDD ngày 8 tháng 9 năm 2024)

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	SL	Ghi chú
I.	HÓA CHẤT, CHẤT CHUẨN, VẬT TƯ TIÊU HAO LĨNH VỰC HÓA				
1	Chất chuẩn Phytic acid	Độ tinh khiết ≥95% có giấy chứng nhận phân tích kèm theo. Hãng sản xuất phải đạt chuẩn theo ISO 9001, ISO 17025. Quy cách đóng: 250 mg/lọ	250 mg/lọ	1	
2	Chất chuẩn Oxalic acid	Độ tinh khiết ≥96%. Có giấy chứng nhận phân tích kèm theo. Hãng sản xuất phải đạt chuẩn theo ISO 9001, ISO 17025. Quy cách đóng: 250 mg/ lọ	250 mg/lọ	1	
3	Acetontrile	Hóa chất tinh khiết cho phân tích trên máy sắc ký lỏng (HPLC grade), dùng được cho chế độ gradient. Độ tinh khiết ≥ 99,9 %. Cận bay hơi ≤ 2,0 mg/l. Hàm lượng nước ≤ 0,02 %. Quy cách: 4 lít/chai	4 lít/chai	5	
4	Isopropanol	Hóa chất tinh khiết cho phân tích trên máy sắc ký lỏng (HPLC grade), dùng được cho chế độ gradient. Độ tinh khiết ≥ 99,9 %. Cận bay hơi ≤ 2,0 mg/l. Hàm lượng nước ≤ 0,02 %. Quy cách: 1 lít/chai.	1 lít/chai	1	
5	Canxi clorua	Độ tinh khiết ≥ 99 %. Giá trị pH: 7,0 (50 g/l, H ₂ O, 20 °C). Quy cách: 500 g/hộp	500 g/hộp	1	
6	Amoni hydroxyt	Độ tinh khiết ≥ 99 %. Giá trị pH: 7,0 (50 g/l, H ₂ O, 20 °C). Quy cách: 500 g/hộp	500 g/hộp	1	
7	Sodium hydroxid	Độ tinh khiết ≥ 99 %. Giá trị pH: 7,0 (50 g/l, H ₂ O, 20 °C). Quy cách: 1000 g/hộp	1000 g/hộp	2	
8	Acid chlorhydric	Độ tinh khiết ≥ 37 %. Chất không bay hơi ≤ 10 ppm. Quy cách: 1 lít/chai	1 lít/chai	2	
9	Acid sunfuric	Độ tinh khiết ≥ 98 %. Quy cách: 1 lít/chai.	1 lít/chai	2	
10	Bình định mức 10 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat 3.3, cổ mài NS 10/19, đáy bằng, nắp nhựa, độ chính xác cấp A, thang chia vạch thể tích dễ đọc, có vùng ghi nhãn, tiêu chuẩn USP. Quy cách: chiếc.	Chiếc	7	
11	Bình định mức 500 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat 3.3, cổ mài NS 24/29, đáy bằng, nắp nhựa, độ chính xác cấp A, thang chia vạch thể tích dễ đọc, có vùng ghi nhãn, tiêu chuẩn USP. Quy cách: chiếc.	Chiếc	1	
12	Bình định mức 1000 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat 3.3, cổ mài NS 24/29, đáy bằng, nắp nhựa, độ chính xác cấp A, thang chia vạch thể tích dễ đọc, có vùng ghi nhãn, tiêu chuẩn USP. Quy cách: chiếc.	Chiếc	1	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	SL	Ghi chú
13	Cốc thủy tinh có mỏ 100 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat, cấp chính xác A, có vùng ghi nhãn. Dung tích 100 ml. Quy cách: chiếc.	Chiếc	1	
14	Cốc thủy tinh có mỏ 500 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat, cấp chính xác A, có vùng ghi nhãn. Dung tích 500 ml. Quy cách: chiếc	Chiếc	1	
15	Cốc thủy tinh có mỏ 1000 ml	Vật liệu thủy tinh borosilicat, cấp chính xác A, có vùng ghi nhãn. Dung tích 1000 ml. Quy cách: chiếc.	Chiếc	1	
16	Ống đong 100 ml	Chất liệu thủy tinh borosilicat, cấp chính xác A. Quy cách: chiếc.	Chiếc	1	
17	Pipet tự động 10-100 µL	Dung tích 10-100 µL. Sai số $\leq \pm 0,3$ µL tại 10 µL, $\leq \pm 0,6$ µL tại 100 µL. Điều chỉnh thể tích từ 10-100 µL. Piston có khả năng chống ăn mòn, có khả năng hút được chất lỏng có độ nhớt ≥ 260 cps. Thân pipet có cửa sổ hiển thị mức thể tích khi sử dụng, thể tích hiển thị 4 chữ số. Quy cách: chiếc.	Chiếc	1	
18	Pipet tự động 100-1000 µL	Dung tích 100-1000 µL. Sai số $\leq \pm 3$ µL tại 100 µL, $\leq \pm 6$ µL tại 1000 µL. Điều chỉnh thể tích từ 100-1000 µL. Piston có khả năng chống ăn mòn, có khả năng hút được chất lỏng có độ nhớt ≥ 260 cps. Thân pipet có cửa sổ hiển thị mức thể tích khi sử dụng, thể tích hiển thị 4 chữ số.	Chiếc	1	
19	Đầu côn 200 µL	Đầu tip thể tích 200 µl. Chiều dài 53 mm. Vật liệu: nhựa, có vạch chia thể tích, chịu acid và dung môi hữu cơ. Quy cách: túi (1000 chiếc/túi).	Túi	1	
20	Đầu côn 1000 µl	Đầu tip thể tích 1000 µl. Chiều dài 71 mm. Vật liệu: nhựa, có vạch chia thể tích, chịu acid và dung môi hữu cơ. Quy cách: túi (1000 chiếc/túi).	Túi	2	
21	Đầu lọc mẫu PTFE	Kích cỡ lỗ lọc 0,45 µm, đường kính 15 mm, chất liệu PTFE (Polytetrafluoroethylene). Dùng cho cả dung môi và nước. Quy cách: hộp (50 chiếc/hộp).	Hộp	5	
22	Lọ đựng mẫu 2 mL, có nắp	Sử dụng cho máy HPLC. Chất liệu thủy tinh màu trắng hoặc tối màu, có vạch chia thể tích và nhãn ghi, cổ lọ đường kính 9 mm, có nắp nhựa xoay kèm đệm septa xẻ rãnh bằng chất liệu PTFE/ silicone. Quy cách: hộp (100 chiếc/hộp).	Hộp	5	
23	Màng lọc cellulose acetate	Màng lọc chất liệu cellulose acetate. Kích cỡ lỗ lọc 0,45 µm, đường kính 47 mm. Qui cách: hộp (≥ 100 chiếc/hộp). Thông số kỹ thuật: Đường kính màng lọc (mm): $\varnothing 47$ mm . Kích thước lỗ màng lọc (µm): 0,45. Độ dày (µm): 120. Điểm sủi bọt (bar): ≥ 2 . Lưu lượng dòng (mL/min/cm ² /bar): 65. Áp suất nổi (bar): ≥ 0.4 . Quy cách: hộp (100 chiếc/hộp)	Hộp	1	
24	Ống ly tâm nhựa 15 ml	Ống ly tâm dung tích 15 ml có nắp xoay kín. Chất liệu nhựa PE. Chịu được hóa chất, dung môi. Chịu được nhiệt độ: -80 °C đến 120 °C. Chịu được lực ly tâm tối đa 12500 x g. Quy cách: túi (50 chiếc/túi).	Cái	2	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	SL	Ghi chú
25	Ống ly tâm nhựa 50 ml	Ống ly tâm dung tích 50 ml có nắp xoáy kín. Chất liệu nhựa PE. Chịu được hóa chất, dung môi. Chịu được nhiệt độ: -80 °C đến 120 °C. Chịu được lực ly tâm tối đa 17000xg. Quy cách: túi (25 chiếc/túi).	Cái	4	
26	Bơm tiêm y tế sử dụng 1 lần 5ml	Bơm tiêm 5ml (cỡ kim :23x1"), chất liệu nhựa y tế được đóng trong từng túi nilong riêng biệt. Quy cách: hộp (100 chiếc/hộp).	Hộp	5	
27	Găng tay nitrile không bột	Găng tay y tế không có bột talc, chất liệu cao su. Cỡ M. Quy cách: hộp (50 đôi/hộp).	Hộp	2	
28	Khẩu trang y tế	Khẩu trang 4 lớp. Có thanh nhôm kim loại tạo sự ôm khít mặt, thành phần: gạc không dệt, màng lọc khuẩn. Khử khuẩn bằng EO (ethylene oxide), đạt tiêu chuẩn khẩu trang y tế. Quy cách: hộp (50 chiếc/hộp)	Hộp	2	
II.	HÓA CHẤT, CHẤT CHUẨN, VẬT TƯ TIÊU HAO LĨNH VỰC HÓA SINH				
29	Nitric acid (HNO3), dùng để vô cơ hóa mẫu.	Dùng để vô cơ hóa mẫu. Trạng thái vật lý: Chất lỏng. Độ tinh khiết ≥ 65% hoặc tương đương. Nhiệt độ bảo quản 1 đến 30°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày. Quy cách đóng gói: Chai 1 lít.	1 lít/chai	8	
30	Hydrogen peroxide (H2O2), dùng để vô cơ hóa mẫu.	Dùng để vô cơ hóa mẫu. Trạng thái vật lý: Chất lỏng. Độ tinh khiết ≥ 32% hoặc tương đương. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày. Quy cách đóng gói: Chai 1 lít.	1 lít/chai	13	
31	H2SO4 (Sulfuric acid 95-97%), dùng để vô cơ hóa mẫu.	Dùng để vô cơ hóa mẫu. Trạng thái vật lý: Chất lỏng. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày. Quy cách đóng gói: Chai 1 lít.	1 lít/chai	5	
32	HClO4, (Perchloric acid 70-72%), dùng để vô cơ hóa mẫu.	Dùng để vô cơ hóa mẫu. Trạng thái vật lý: Chất lỏng. Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày. Quy cách đóng gói: Chai 1 lít.	1 lít/chai	5	
33	Khí acetylen (98%)	Khí acetylen (98%) gồm acetylen 5kg và 10kg aceton.	Bình	1	
34	Máy xay sinh tố	Công suất : > 700W. Điện áp : 220v/50hz. Chất liệu vỏ máy: Nhựa cao cấp, chịu nhiệt và va đập. Chất liệu lưỡi dao: 4 cánh, bằng chất liệu chống gỉ. Dung tích cối: ≥ 1,5 L.	Cái	1	
35	Máy xay sinh tố	Công suất: >1200W. Điện áp: 220v/50hz. Chất liệu vỏ máy: Nhựa cao cấp, chịu nhiệt và va đập. Chất liệu lưỡi dao: 4 cánh, bằng chất liệu chống gỉ. Dung tích cối: ≥ 1,5 L.	Cái	1	
36	Bình cầu 500 ml	Chất liệu : thủy tinh chịu nhiệt dùng trong phòng thí nghiệm. Dung tích : 500 ml	Cái	12	
37	Găng tay cao su	Găng tay: Cầu Vồng, Màu sắc: Xanh, trắng, Kích thước: 40-45cm, Chất liệu: Cao su; Quy cách đóng gói: 1 đôi/gói	1 đôi/gói	2	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	SL	Ghi chú
38	Găng tay nilong	Hộp 100 cái, size S, Chất liệu bằng nilong. Chiều dài : < 20 cm , Size S	50 đôi/hộp	3	
39	Nước rửa tay	Màu sắc: Hồng: Trọng lượng/chai: 500g/chai; Quy cách đóng gói: Chai nhựa 0,5 lít/ chai, 16 chai/thùng	Chai	2	
40	Nước lau sàn	Nước lau sàn 1 lít. Màu sắc: Trắng trong, xanh trong, Trọng lượng/chai: 1 lít/chai. Quy cách đóng gói: Chai nhựa	Chai	1	
41	Nước Rửa chén	Màu sắc: Trắng trong. Trọng lượng/chai: 750g/chai; Quy cách đóng gói: Chai nhựa, 16 chai/thùng	Chai	8	
42	Chất tẩy bồn cầu	Màu sắc: Trắng, xanh, Trọng lượng/chai: 900g/ chai; 16 chai/thùng.	Chai	3	
43	Giấy Vệ sinh nhỏ	Màu sắc: Trắng. Trọng lượng/m ² : 13+-1g/m ² , Thành phần trong 1m ² : 100% bột giấy, Thời hạn sử dụng: >2/3 thời gian khuyến nghị của nhà sản xuất. Quy cách đóng gói: 2 lớp/1 cuộn; 12 cuộn/bịch;	Cuộn	50	
44	Thìa nhựa (5ml)	Chất liệu: nhựa. Thể tích: 5 ml. Thìa cán dài, túi 50 cái	50 cái/túi	3	
45	Túi đựng rác loại 10 kg	Màu sắc: Đen . Kích thước: Ngang 37cm x Dài 60cm. Chất liệu : Nhựa HDPE tái sinh +phụ gia tự phân hủy. Quy cách đóng gói: 45 cái/kg	45 cái/kg	3	
46	Túi zip số 8	Chất liệu: nhựa. Kích thước: 13x20cm	Hộp	6	
47	Hộp nhựa có nắp 500ml	Chất liệu: nhựa. Đường kính: 10cm	Cái	144	
48	Bát nhựa đường kính 30cm	Chất liệu: nhựa. Đường kính: 30cm	Cái	36	
49	Bọc thực phẩm	Chất liệu: Polyethylene. Kích thước rộng 30cm x dài 200m. Có dao cắt trượt	Cuộn	3	
50	Găng tay không bột	Tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hàm lượng bột: ≤ 2mg / găng tay. Màu sắc: Màu cao su tự nhiên. găng tay y tế không có bột cỡ S và M. Quy cách: đóng gói 50 đôi/hộp.	50 đôi/hộp	3	
51	Khẩu trang	Màu sắc: Xanh, trắng. Kích thước: 10x20cm Chất liệu: 4 lớp; Vải không dệt từ polypropylene; vải lọc kháng khuẩn (màng PE); Lớp than hoạt tính. Quy cách đóng gói: 50 cái/gói/hộp	Hộp	8	
III	HÓA CHẤT, CHẤT CHUẨN, VẬT TƯ TIÊU HAO LĨNH VỰC SINH HỌC PHÂN TỬ				
52	Kit tách chiết ADN từ mẫu bệnh phẩm	Dùng để tách chiết DNA từ nhiều loại mẫu bệnh phẩm. Quy cách: 100 kit/ hộp. Vận chuyển: Nhiệt độ môi trường. Bảo Quản: Nhiệt độ phòng trong 12 tháng	100 kit/hộp	25	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	SL	Ghi chú
53	PCR master mix	Dùng trong phản ứng PCR, thành phần gồm MgCl ₂ và dNTP, DNA Polymerase. Có độ nhạy cao hơn, sản phẩm PCR năng suất cao hơn. Trạng thái vật lý : chất lỏng, sẵn sàng sử dụng. Quy cách đóng : 500 phản ứng/bộ.	500 phản ứng/Bộ	5	
54	Thang DNA chuẩn (100 bp DNA Marker)	Dùng để xác định kích thước ADN khi chạy điện di cho băng nét, đậm. Trạng thái vật lý: chất lỏng, sẵn sàng sử dụng. Quy cách : 20 lần/ống.	20 lần chạy/ống	5	
55	Bộ Agarose	Dùng cho điện di, Trạng thái vật lý : bột màu trắng nhạt hoặc vàng nhạt. Nhiệt độ nóng chảy : 87~89°C. Đóng gói : 250 g/hộp	250 g/hộp	5	
56	Hóa chất nhuộm DNA	Trạng thái vật lý : chất lỏng, Nồng độ : 20,000X. Bảo quản được 12 tháng ở nhiệt độ phòng và 24 tháng ở điều kiện 4°C. Đóng gói : 100 ml/ống	100 ml/ống	5	
57	Dung dịch TBE 10X	Dung dịch được sử dụng trong điện di trên gel agarose điển hình cho phân tách ADN. Trạng thái vật lý : chất lỏng. Quy cách : 500 ml/chai	500 ml/chai	5	
58	Nước tinh sạch khử ion	Nước Deionised (khử ion) dùng trong pha hoá chất. Trạng thái vật lý: chất lỏng. Quy cách đóng gói: 1 lít/chai	1 lít/chai	2	
59	Enzyme cắt giới hạn	Dùng trong quy trình phân tích kiểu gen của các đa hình đơn gen. Trạng thái vật lý : chất lỏng. Có độ nhạy hoạt động 100% Tính năng cắt DNA. Quy cách đóng gói : 100 ml/ống	100 ml/ống	5	
60	Cồn khử khuẩn (70%)	Dùng khử khuẩn bề mặt bàn thí nghiệm, dụng cụ thí nghiệm. Trạng thái vật lý: Chất lỏng. Bảo quản nhiệt độ phòng. Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày. Quy cách đóng gói: 1 lít/chai	1 lít/chai	1	
61	Tăm bông lấy mẫu	Tăm bông được tiệt trùng, kích thước: 12*150mm, Chất liệu: Ống nhựa PP, nắp nhựa HDPE, đầu bông, que gỗ hoặc nhựa.	100 cái/túi	60	
62	Ống eppendorf 1.5ml chịu lực	Được làm bằng polypropylene y tế chất lượng cao. Khu vực ghi chú và nắp phẳng gắn kèm để dán nhãn. Nhiệt độ làm việc: ổn định từ -20 °C đến 121 °C, có thể khử trùng được. Chịu được lực ly tâm tối đa: 20.000 RCF. Thể tích: 1.5ml. Quy cách đóng gói: 500 cái/túi	Túi	20	
63	Ống PCR-0.2mL, loại 8 ống/băng có cả nắp.	Dài 8 ống 0.2ml, Nắp rời, phẳng (8 ống dành cho PCR), trong suốt. Được làm bằng Polypropylen, không chứa chất ức chế RNase, DNase, DNA, PCR. Thể tích: 0.2ml. Quy cách đóng gói: 125 băng/túi	Túi	52	
64	Đầu côn cho pipetman 200 microlit	Làm bằng nhựa polypropylene, không có RNase & DNase, có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ thích hợp. Có độ bám dính thấp, chia vạch. Quy cách : đóng gói 1000 chiếc/túi	Túi	20	
65	Đầu côn có lọc 10 microlit, tiệt trùng có giá đỡ, hộp 96 cái	Làm bằng polypropylen y tế và các bộ lọc được làm bằng UHMW-PE kỵ nước cao. Được tiệt trùng cả hộp. Đóng gói: 96 chiếc/hộp	Hộp	25	

TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	SL	Ghi chú
66	Đầu côn có lọc cho pipetman 200 microlit (96 đầu/hộp)	Làm bằng nhựa polypropylene, không có RNase & DNase, có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ thích hợp. Có độ bám dính thấp, chia vạch. Quy cách: đóng gói 1000 chiếc/túi	Hộp	60	
67	Đầu côn có lọc 1-100 microlit, tiệt trùng có giá đỡ, hộp 96 cái	Làm bằng polypropylen và các bộ lọc được làm bằng UHMW-PE kỵ nước cao. Có chia vạch trên đầu tip. Được tiệt trùng cả hộp. Đóng gói: 96 chiếc/hộp	Hộp	50	
68	Đầu côn cho pipet 1000 microlit	Làm bằng nhựa polypropylene, không có RNase & DNase, có thể hấp tiệt trùng ở nhiệt độ thích hợp. Có độ bám dính thấp, chia vạch. Đóng gói : 1000 chiếc/túi	Túi	15	
69	Đầu côn có lọc cho cho pipet 1000 microlit, tiệt trùng, có giá đỡ.	Làm bằng polypropylen và các bộ lọc được làm bằng UHMW-PE kỵ nước cao. Có chia vạch trên đầu tip. Được tiệt trùng cả hộp. Đóng gói: 96 chiếc/hộp	Hộp	15	
70	Găng tay không bột	Găng tay có tính đàn hồi cao, khó đâm thủng và khó rách. Tiêu chuẩn ISO 9001:2008, Hàm lượng bột: $\leq 2\text{mg}$ / găng tay. Màu sắc: Màu cao su tự nhiên. Nhân hiệu: Vglove hoặc tương đương, găng tay y tế không có bột cỡ S và M. Quy cách: đóng gói 100 chiếc/hộp.	Hộp	10	